

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Vũ

2. Ngày tháng năm sinh: 04/05/1977; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Tam Sơn, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 11.04 Lô M, cc Bàu Cát 2, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. HCM

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 11.04 Lô M, cc Bàu Cát 2, Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0908175957;

E-mail: nvu@fit.hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,1999 đến tháng, năm 08,2004: Kỹ sư công nghệ phần mềm tại Công ty PSV Việt Nam

Từ tháng, năm 08,2004 đến tháng, năm 12,2010: Trợ giảng tại Trường Đại học Nam California

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường

Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 9 năm 1999, số văn bằng: B63006, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 12 tháng 5 năm 2006, số văn bằng: không có, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Nam California (University of Southern California), Los Angeles, Hoa Kỳ
- Được cấp bằng TS [5] ngày 16 tháng 12 năm 2010, số văn bằng: không có, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Nam California (University of Southern California), Los Angeles, Hoa Kỳ

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ước lượng dự án phần mềm
- Giáo dục trong công nghệ phần mềm
- Kiểm thử tự động phần mềm

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Nhà nước; 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bộ	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Luôn luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao bao gồm các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý và tư vấn sinh viên; luôn gương mẫu với sinh viên và đồng nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 3 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			2	5	310	70	380/421.77/270
2	2017-2018			2	4	400		400/442.42/270
3	2018-2019				5	905	70	975/1293.73/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	4	645		645/924.15/270
5	2020-2021				5	925	60	985/1263.2/270
6	2021-2022			1	4	530		530/662.08/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số

47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hoa kỳ năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Huỳnh Thị Phương Thủy		X	X		06/2015 đến 02/2016	Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia - TP. HCM	28/11/2016
2	Nguyễn Thanh Hương		X	X		06/2015 đến 02/2016	Trường Đại học Công nghệ thông tin, ĐHQG - TP. HCM	28/11/2016
3	Lê Hoàng Phú		X	X		02/2017 đến 12/2017	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	04/5/2018

4	Trần Phước Việt		X	X		03/2015 đến 12/2017	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	04/5/2018
5	Trần Thị Mỹ Thú		X	X		08/2018 đến 07/2019	Trường Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Quốc gia - TP. HCM	19/11/2019
6	Trần Thanh Phước		X	X		08/2019 đến 08/2021	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia - TP. HCM	26/4/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Cải tiến COCOMO dựa trên phân tích xu hướng của năng suất dự án và các nhân tố ảnh hưởng theo thời gian	CN	102.03-2014.34, cấp Nhà nước	01/03/2015 đến 03/09/2018	04/8/2020 Đạt
2	Xây dựng môi trường tích hợp trên web hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu và phát triển dự án trong công nghệ phần mềm	TK	B2013-18-01, cấp Bộ	01/03/2013 đến 1/3/2016	06/8/2016 Khá

3	Phát sinh các trường hợp kiểm thử tự động	CN	CNTT 2020-15, cấp Cơ sở	04/10/2020 đến 04/10/2021	04/4/2022 Xuất sắc
---	---	----	-------------------------	---------------------------	-----------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Mining and analyzing digital archive usage data to support collection development decisions	19	Không	Proceedings of the 5th ACM/IEEE-CS Joint Conference on Digital Libraries (JCDL 2005)		2		06/2005
2	A SLOC Counting Standard	4	Có	The 22nd International Forum on COCOMO and Systems/Software Cost Modeling (COCOMO 2007)		144	1-15	10/2007

3	A Constrained Regression Technique for COCOMO Calibration	3	Có	The Second ACM- IEEE International Symposium on Empirical Software Engineering and Measurement (ESEM 2008) / ISBN: 978-1- 59593-971-5	- Scopus	77		10/2008
4	Improved Size and Effort Estimation Models for Software Maintenance	1	Có	The Twenty-sixth IEEE International Conference on Software Maintenance (ICSM 2010) / ISBN: 978-1-4244- 8630-4	- Scopus	41		09/2010
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
5	Local Bias and its Impacts on the Performance of Parametric Estimation Models	7	Không	The 7th International Conference on Predictive Models in Software Engineering (PROMISE 2011) / ISBN: 978-1-4503- 0709-3	- Scopus	13		09/2011
6	An Analysis of Trends in Productivity and Cost Drivers over Years	3	Có	The 7th International Conference on Predictive Models in Software Engineering (PROMISE 2011) / ISBN: 978-1-4503- 0709-3	- Scopus	33	1-10	09/2011

7	A Controlled Experiment in Assessing and Estimating Software Maintenance Tasks	3	Có	Journal of Information and Software Technology / ISSN: 0950-5849	Có - SCIE <i>IF: 2.730, Q1 - SCIE, Q1 - Scopus</i>	52	53, 66, 682-691	06/2011
8	qEstimation: A Process for Estimating Size and Effort of Software Testing	3	Có	International Conference on Software and System Process (ICSSP 2013) / ISBN: 978-1-4503-2062-7	- Scopus	11	20-28	05/2013
9	Analyzing and handling local bias for calibrating parametric cost estimation models	7	Không	Journal of Information and Software Technology / ISSN: 0950-5849	Có - SCIE <i>IF: 2.730, Q1 - SCIE, Q1 - Scopus</i>	25	55, 8, 1496-1511	08/2013
10	An interactive Web-based IDE towards teaching and learning in programming courses	5	Không	Proceedings of the 2013 IEEE International Conference on Teaching, Assessment and Learning for Engineering (TALE 2013) / ISBN: 978-1-4673-6355-6	- Scopus	17	439-444	11/2013

11	Một giải pháp chuyển đổi giao diện tính Web RIA sang giao diện di động	3	Không	Kỷ yếu hội nghị Quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin (FAIR 2014) / ISBN: 978-604-913-300-8			307-317	06/2014
12	Learning and Practicing Object-Oriented Programming Using a Collaborative Web-based IDE	4	Có	IEEE Frontiers in Education Proceedings (FIE 2014) / ISSN: 0190-5848	- Scopus	9	1-9	10/2014
13	EduCo: an Integrated Social Environment for Teaching and Learning Software Engineering Courses	4	Không	International Conference on Information Integration and Web-based Applications & Services (iiWAS 2014) / ISBN: 978-1-4503-3001-5	- Scopus	3	17-26	12/2014
14	Enhancing Team Collaboration through Integrating Social Interactions in a Web-based Development Environment	4	Có	Journal of Computer Applications in Engineering Education / ISSN: 1099-0542	Có - Scopus IF: 1.532, Q1	21	24, 4, 529-545	03/2016

15	A k-Nearest Neighbors Approach for COCOMO Calibration	2	Không	The 2017 4th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science / ISBN: 978-1-5386- 3211-6	- Scopus	2	219-224	11/2017
16	Determining Relevant Training Data for Effort Estimation Using Window- based COCOMO Calibration	3	Có	Journal of Systems and Software / ISSN: 0164-1212	Có - SCIE IF: 2.829, Q1 - SCIE, Q1 - Scopus	10	147 124- 146	01/2019
17	Prioritizing automated user interface tests using reinforcement learning	3	Không	Proceedings of the Fifteenth International Conference on Predictive Models and Data Analytics in Software Engineering (PROMISE 2019) / ISBN: 978-1-4503- 7233-6	- Scopus	7	56-65	02/2019

18	An evaluation of parameter pruning approaches for software estimation	5	Không	Proceedings of the Fifteenth International Conference on Predictive Models and Data Analytics in Software Engineering (PROMISE 2019) / ISBN: 978-1-4503-7233-6	- Scopus	2	26-35	09/2019
19	Investigating the use of duration-based windows and estimation by analogy for COCOMO	5	Có	Journal of Software: Evolution and Process / ISSN: 2047-7481	Có - Scopus IF: 1.972, Q2 - Scopus		31, 10, 1-23	10/2019
20	Predicting Stock Prices Using Dynamic LSTM Models	3	Không	Communications in Computer and Information Science / ISSN: 1865-0929	Có - Scopus IF: 0.476, Q3	13	199-212	10/2019
21	Clustering Automation Test Faults	3	Không	The 11th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2019) / ISSN: 2164-2508	- Scopus	3	1-7	12/2019

22	Mining and Creating a Software Repositories Dataset	4	Không	The 2020 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2020) / ISBN: 978-1-6654-0518-8	- Scopus		78-83	11/2020
23	Generating and selecting resilient and maintainable locators for Web automated testing	3	Có	Journal of Software: Testing, Verification and Reliability / ISSN: 1099-1689	Có - SCIE IF: 1.267, Q2 - Scopus	3	31, 3	05/2021
24	RLTCP : A reinforcement learning approach to prioritizing automated user interface tests	2	Có	Journal of Information and Software Technology / ISSN: 0950-5849	Có - SCIE IF: 2.730, Q1 - SCIE, Q1 - Scopus	1	136	08/2021
25	Prioritizing automated test cases of Web applications using reinforcement learning: an enhancement	3	Không	The 2021 13th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2021) / ISSN: 2164-2508			1-8	11/2021

26	Ensemble approaches for Test Case Prioritization in UI testing	4	Có	The 34th International Conference on Software Engineering & Knowledge Engineering (SEKE 2022) / ISSN: 2325-9000			1-6	07/2022
----	--	---	----	---	--	--	-----	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([7] [14] [16] [19] [23] [24])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Ngành Trí tuệ nhân tạo	Tham gia	Số 788B/QĐ-KHTN ngày 15/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM, Trường ĐH Khoa học tự nhiên	Đã được ĐHQG-HCM cho phép mở ngành từ 2021. (Công văn Số 1168/ĐHQG-ĐH ngày 27/07/2021 và Quyết định Số 947/QĐ-KHTN ngày 28/07/2021 của Hiệu Trưởng Trường ĐH.KHTN)	Tham gia biên soạn đề án, đề cương môn học.

2	Đề án thí điểm mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Trí tuệ nhân tạo	Tham gia	Số 631/QĐ- KHTN ngày 20/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM, Trường ĐH Khoa học tự nhiên	Đã được ĐHQG- HCM cho phép mở ngành từ 2022 (QĐ Số 1616/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2021)	Giữ vai trò Phó tổ trưởng tổ soạn thảo; công tác quản lý và điều phối soạn thảo; tham gia soạn thảo đề án
3	Đề án thí điểm mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Ngành Trí tuệ nhân tạo	Tham gia	Số 632/QĐ- KHTN ngày 20/4/2021	Đại học Quốc gia TP. HCM, Trường ĐH Khoa học tự nhiên	Đã được ĐHQG- HCM cho phép mở ngành từ 2022 (QĐ Số 1617/QĐ-ĐHQG ngày 15/12/2021).	Giữ vai trò Phó tổ trưởng tổ soạn thảo; điều phối công tác soạn thảo; tham gia soạn thảo đề án

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)